UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP CHO SINH VIÊN HỆ CAO ĐẲNG HÀN, KỸ THUẬT XÂY DỰNG KHÓA 18, NIÊN KHÓA 2018 - 2020 CAO ĐẲNG Ô TÔ LIÊN THÔNG KHÓA 19, NIÊN KHÓA 2019 - 2021 VÀ CÁC KHÓA KHÁC VỀ DỰ THI LẠI

Khóa ngày: 22/10/2020 - Tại Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CĐN của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận ban hành ngày 21/9/2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp nghề	Khóa/Hệ	GD chính trị	Lý thuyết THNN	Thực hành NN	Ghi chú
1	Lê Văn	Bình	27/10/1977	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.5	9.0	8.0	
2	Đinh Ngọc	Hải	10/06/1990	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	9.0	8.0	
3	Nguyễn Dương	Hoàng	10/10/1970	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	8.0	8.5	8.5	
4	Nguyễn Duy	Khang	21/02/1989	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	9.0	7.0	
5	Nguyễn Trung	Khoan	21/11/1984	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	8.5	8.0	
6	Nguyễn Chí	Khôi	26/08/2001	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	7.5	7.0	
7	Nguyễn Nhật	Linh	06/12/2002	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	8.5	7.0	
8	Hà Lê Sơn	Nghĩa	11/01/2002	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	5.0	7.5	7.5	
9	Trần Văn	Phụng	06/01/1973	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	5.0	6.0	7.0	
10	Trượng Ngọc	Phước	06/04/1997	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	5.0	8.5	8.5	
11	Thái Văn	Quang	27/07/1982	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	9.0	7.0	
12	Trần Minh	Tân	19/02/1996	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	5.0	9.0	7.0	
13	Huỳnh Ngọc	Trí	13/12/1980	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	6.0	9.5	8.0	
14	Nguyễn Hữu	Tuyển	29/04/1983	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô LT	19	5.0	8.5	7.0	
15	Nguyễn Anh	Quang	06/12/2000	Ninh Thuận	Hàn	18	5.0	7.0	6.5	
16	Hứa Văn	Rít	21/07/1997	Ninh Thuận	Hàn	18	6.0	6.5	7.5	
17	Nguyễn Xuân	Hoàng	20/01/1995	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	6.5	5.5	9.0	
18	Phùng Văn	Hoàng	02/10/1999	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	7.0	7.5	8.5	
19	Đỗ Chí	Hùng	27/02/2000	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	6.0	7.5	8.0	
20	Ngọ Văn	Long	14/06/1999	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng	18	6.0	5.0	8.0	
21	Đạo Quý	Tộc	02/09/1999	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	7.0	9.0	8.5	

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp nghề	Khóa/Hệ	GD chính trị	Lý thuyết THNN	Thực hành NN	Ghi chú
22	Tài Đức	Trọng	21/06/1999	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	6.5	7.0	8.0	
23	Lê Minh	Tuấn	25/04/1998	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	5.5	7.0	8.0	
24	Đàng Quang	Vinh	29/06/2000	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	18	7.0	6.0	6.5	
25	Diệp Thanh	Sang	08/11/1995	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	17		5.0		LT

Tổng số sinh viên: 25, trong đó:

Stt	Nghề	ĐK Dự thi	Bỏ thi	Đạt	Hỏng	Tỷ lệ
1	Công nghệ ô tô	14	0	14	0	100%
2	Hàn	2	0	2	0	100%
3	Kỹ thuật xây dựng	8	0	8	0	100%
4	Quản trị khách sạn	1	0	1	0	100%

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP	PTP.KHẢO THÍ & ĐBCL	TM.HỘI ĐỒNG THI CHỦ TỊCH
Bùi Văn Minh	Nguyễn Thịnh	Ths.Nguyễn Phan Anh Quốc

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CỘNG NHẬN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP CHO HỌC SINH HỆ TRUNG CẤP VỀ DỰ THI LẠI

Khóa ngày: 22/10/2020 - Tại Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CĐN của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận ban hành ngày 21/9/2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp nghề	Khóa/Hệ	GD chính thi	Lý thuyết THNN	Thực hành NN	Ghi chú
1	Thái Minh	Đạt	03/01/1999	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô	13	0.0			CT

Tổng số học sinh: 1, trong đó;

Stt	Nghề	ĐK Dự thi	Bỏ thi	Đạt	Hỏng	Tỷ lệ
1	Công nghệ ô tô	1	1	0	0	0%

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP	PTP.KHẢO THÍ & ĐBCL	CT.HỘI ĐỒNG THI CHỦ TỊCH
Bùi Văn Minh	Nguyễn Thịnh	Th.s Nguyễn Phan Anh Quốc

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA CHO HỌC SINH HỆ TRUNG CẤP KHÓA 19 - NIÊN KHÓA 2019 - 2021 VÀ CÁC KHÓA KHÁC VỀ DỰ THI

Khóa ngày: 22/10/2020 - Tại Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 200/QĐ-CĐN của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Ninh Thuận ban hành ngày 21/9/2020)

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp nghề	Khóa/Hệ	Toán	Lý	Hóa	Ghi chú
1	Nguyễn Văn	Xuân	03/04/1998	Ninh Thuận	Điện công nghiệp	16	6.0	5.0	3.5	
2	Lê Quốc	Trung	30/01/2001	Ninh Thuận	Điện công nghiệp	18	8.0	5.0	6.0	
3	Trần Ngọc	Dinh	04/02/2003	Ninh Thuận	KT Máy lạnh và ĐHKK	18	8.5	8.0	7.0	
4	Phan Thanh	Tiến	18/8/2003	Ninh Thuận	KT Máy lạnh và ĐHKK	18	8.0	6.0	5.5	
5	Đặng Trương Nhật	Tiến	13/12/2003	Ninh Thuận	KT Máy lạnh và ĐHKK	18	5.5	6.0	5.0	
6	Trịnh Thiên	Trường	29/10/2003	Ninh Thuận	KT Máy lạnh và ĐHKK	18	5.5	5.0	6.0	
7	Trần Tấn	Hoài	10/7/2001	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô A	19	0.0	0.0	0.0	
8	Phạm Ngọc	Kha	26/12/2002	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô A	19	9.0	7.0	5.5	
9	Nguyễn	Khoa	20/8/2001	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô A	19	8.5	6.5	9.0	
10	Hồ Phi	Nam	04/10/2001	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô A	19	0.0	0.0	0.0	
11	Lê Xuân	Thịnh	11/03/2002	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô A	19	6.5	5.0	5.0	
12	Đào Lê Thanh	Xuân	10/10/2004	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô A	19	6.5	5.0	5.0	
13	Lê Văn	Chiến	9/01/2004	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	8.0	8.5	5.0	
14	Lâm Đức	Duy	30/08/3000	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	7.5	8.5	6.5	
15	Nguyễn Ngọc	Hải	29/11/2003	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	8.0	8.0	9.0	
16	Y Gia	Huy	09/07/2004	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	9.0	5.0	6.5	
17	Kinh Hồ Quốc	Minh	28/07/2004	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	7.5	5.0	7.0	
18	Kiều Từ Khánh	Nam	09/07/2002	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	6.5	5.0	7.0	
19	Nguyễn Văn	Thìn	23/05/2000	Ninh Thuận	Công nghệ ô tô B	19	7.0	6.5	8.0	
5	Đường Thái	Bảo	25/02/1999	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	7.5	9.0	5.0	
21	Đỗ Văn	Đức	12/10/2001	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	0.0	0.0	0.0	

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp nghề	Khóa/Hệ	Toán	Lý	Hóa	Ghi chú
22	Trần Trung	Hậu	18/12/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	8.0	8.0	5.0	
23	Nguyễn Đức	Hoàng	01/12/1998	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	9.0	8.5	5.5	
24	Phan Thanh	Hoàng	28/04/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	8.0	6.0	6.5	
25	Đàng Năng	Nam	15/3/1998	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	8.0	8.5	9.0	
26	Trần Thanh	Ngưng	8/12/2003	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	5.5	6.5	2.0	
27	Trần Ngọc	Thế	28/01/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	5.0	5.0	5.0	
28	Lê Văn	Thông	22/02/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	5.0	5.5	5.0	
29	Nguyễn Bá	Tin	27/02/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp A	19	6.0	5.0	5.0	
30	Vũ Ngọc	Chương	18/6/2003	Ninh Thuận	Điện công nghiệp B	19	9.0	8.0	6.5	
31	Đàng Năng Hải	Đăng	01/6/2001	Ninh Thuận	Điện công nghiệp B	19	8.0	7.5	6.0	
32	Mai Đức	Hưng	18/3/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp B	19	7.0	5.0	5.0	
33	Nguyễn Trung	Nguyên	10/01/2003	Ninh Thuận	Điện công nghiệp B	19	5.0	6.5	6.0	
34	Võ Minh	Quá	06/04/2000	Ninh Thuận	Điện công nghiệp B	19	6.5	5.5	5.0	
35	Nguyễn Hiền Tuấn	Tài	22/4/2004	Ninh Thuận	Điện công nghiệp C	19	6.0	5.0	5.0	
36	Tạ Ấn	Huông	14/4/2001	Ninh Thuận	Điện tử công nghiệp	19	6.0	8.0	7.0	
37	La Minh	Huy	13/11/2004	Ninh Thuận	Điện tử công nghiệp	19	5.0	7.0	7.5	
38	Nguyễn Xuân	Huy	23/12/2000	Ninh Thuận	Điện tử công nghiệp	19	5.0	7.5	7.5	
39	Nguyễn	Phong	13/11/2004	Ninh Thuận	Điện tử công nghiệp	19	5.5	5.0	6.5	
40	Lê Dĩ	An	15/12/2002	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	8.0	5.5	8.0	
41	Phạm Quốc	Hiển	25/01/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	8.5	7.0	5.5	
42	Lê Xuân	Hồng	06/10/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	8.0	7.0	5.5	
43	Phan Hoàng Tuấn	Kiệt	28/02/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	7.0	7.5	5.0	
44	Nguyễn Thanh	Nhựt	09/9/2000	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	7.0	5.0	7.0	
45	Phạm Minh	Quân	06/10/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	6.0	5.5	5.0	
46	Phùng Ngọc	Sơn	01/05/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK A	19	5.0	7.0	5.0	
47	Phan Văn	Hiếu	07/5/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK B	19	5.0	5.0	3.5	
48	Nguyễn Phan Hoàng	Việt	24/11/2014	Ninh Thuận	Kỹ thuật Máy lạnh và ĐHKK B	19	0.0	0.0	0.0	
49	Phan Thanh	Hoài	15/01/1990	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	19	7.5	7.0	7.5	
50	Đặng Anh	Quân	19/2/2004	Ninh Thuận	Kỹ thuật xây dựng	19	5.0	5.0	5.0	
51	Nguyễn Phương	My	19/12/2004	Ninh Thuận	May thời trang	19	5.0	5.0	6.5	
52	Dương Nguyễn Hoàng	Liên	28/12/2004	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	7.0	6.5	7.0	

TT	Họ và	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp nghề	Khóa/Hệ	Toán	Lý	Hóa	Ghi chú
53	Phùng Thị Yến	Nga	28/9/2004	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	8.0	8.0	9.5	
54	Nguyễn Thị Kim	Nhung	29/6/2004	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	7.0	5.0	6.0	
55	Trần Võ Hồng	Quyền	17/07/2003	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	5.5	5.0	5.0	
56	Đinh Viết	Thành	18/09/2002	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	0.0	0.0	0.0	
57	Trần Thị Thanh	Thảo	12/2/2004	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	6.0	5.0	5.0	
58	Nguyễn Hải	Triều	24/12/2004	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	5.0	5.0	5.0	
59	Đỗ Nhật	Tùng	03/9/2003	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	5.0	5.0	3.5	
60	Đặng Thị Kim	Xuân	22/11/2003	Ninh Thuận	Quản trị khách sạn	19	6.0	5.0	5.0	
61	Trần Phúc Đan	Duy	10/12/2004	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	5.5	5.0	3.5	
62	Đào Nhật	Huy	21/07/2004	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	7.0	5.0	6.0	
63	Ngư Thị Kim	Nguyên	08/3/2002	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	6.0	6.0	6.5	
64	Tôn Nhật	Phi	17/8/2004	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	5.5	6.0	6.0	
65	Nguyễn Tú Đông	Phương	07/11/2001	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	5.0	6.0	6.5	
66	Lê Võ Duy	Thiện	20/11/2003	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	5.0	5.0	5.0	
67	Lê Văn	Thịnh	20/11/2003	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	5.5	6.5	6.0	
68	Nguyễn Thế	Thọ	06/08/1998	Ninh Thuận	Quản trị mạng máy tính	19	6.0	5.5	5.0	

Tổng số học sinh: 68, trong đó:

Stt	Khóa	ĐK Dự thi	Bỏ thi	Đạt	Hỏng	Tỷ lệ
1	16	1	0	0	1	0%
2	18	5	0	5	0	100%
3	19	62	5	53	4	93%

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP	PTP.KHẢO THÍ & ĐBCL	CT.HỘI ĐỒNG THI CHỦ TỊCH
Bùi Văn Minh	Nguyễn Thịnh	Th.s Nguyễn Phan Anh Quốc